

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

**Gói thầu: Mua sắm transmitter nhiệt độ bao hơi phục vụ sản xuất NMD
Nhon Trạch 2**

Tên bên mời báo giá: **Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhon Trạch 2**

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251-222.5899; Fax: 0251-222.5897;

Mã số thuế: 3600897316.

Đề nghị Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung sau:

- Tên gói thầu: Mua sắm transmitter nhiệt độ bao hơi phục vụ sản xuất NMD Nhon Trạch 2.
 - Giá gói thầu (bao gồm VAT 10%): 201.424.300 VND
(Bằng chữ: Hai trăm lẻ một triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm đồng).
 - Nội dung chính của gói thầu: Mua sắm transmitter nhiệt độ bao hơi phục vụ sản xuất NMD Nhon Trạch 2.
 - Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Nguồn vốn: Chi phí SXKD năm 2023
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá
- Thời gian phát hành Bản yêu cầu báo giá: từ 15 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 05 năm 2023 đến trước 16 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 05 năm 2023 *(trong giờ hành chính).*
- Địa điểm phát hành Bản yêu cầu báo giá: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhon Trạch 2 tại Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Thời điểm kết thúc nhận báo giá: 16 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 05 năm 2023.

Nhon Trạch, ngày 17 tháng 05 năm 2023
Đại diện bên mời thầu



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Thu

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu : Mua sắm transmitter nhiệt độ bao hơi phục vụ sản xuất NMD Nhơn Trạch 2

Phát hành ngày : 16/5/2023

W Bên mời thầu



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Thu

16/5/2023

Chương I. YÊU CẦU NỘP BẢN BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia nộp bản báo giá (BBG) gói thầu Mua sắm transmitter nhiệt độ bao hơi phục vụ sản xuất NMD Nhơn Trạch 2. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản bản yêu cầu báo giá (YCBG) này.
3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định;
Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu tại điểm 1, Mục I, Chương II – Phạm vi công việc tổng thể tại YCBG;
Giá chào thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá chào ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư;
Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 6 của YCBG.
2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
4. Hạch toán tài chính độc lập.
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá ((nếu có) 3);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ

đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá chào có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá chào; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá chào của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá chào tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác của các nhà thầu vượt qua đánh giá về kỹ thuật; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá chào của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

11/7/2020/1/1

trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá chào tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá chào tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 4. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 5. Thành phần báo giá

Bản Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- 1) Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
- 2) Biểu giá, phạm vi cung cấp theo Mẫu 03a (bao gồm Mẫu 03a (1)) Chương III;
- 3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp;

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận YCBG.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai không muộn hơn 16 giờ ngày 22/05/2023. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đầy đủ thành phần báo giá đáp ứng tại Mục 5
2. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
3. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 9. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

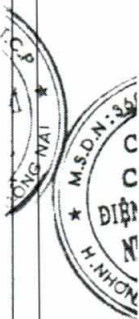
1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên trang thông tin điện tử (<http://pvpnt2.vn>) của Công ty.
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Mục 11. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc tiền bằng hình thức chuyển khoản (Số tài khoản: 006704070001112 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng hòa, người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 8 Chương IV - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm YCBG này. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng ban hành kèm YCBG này.



Chương II. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

I. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

Stt	Danh mục	Đơn vị	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất (hoặc tương đương) ⁽¹⁾	Chứng từ cung cấp
1	Temperature Transmitter T32.1S. (Transmitter nhiệt độ bao hơi)	pcs	10	Temperature Transmitter T32.1S	Wika	CO, CQ

(*) Ghi chú:

- CO là Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa;
- CQ là Giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa;

(1) tương đương là tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, đảm bảo hoạt động tốt phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

2. Biểu tiến độ cung cấp

Tiến độ cung cấp: Thời gian cung cấp toàn bộ hàng hóa là 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Nhà thầu được phép giao hàng sớm hơn quy định. Trong trường hợp chậm tiến độ, Nhà thầu sẽ bị phạt theo quy định tại Chương IV: Dự thảo hợp đồng.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

Hàng hóa và dịch vụ cung cấp phải phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu của Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, đáp ứng đầy đủ hoặc cao hơn đặc tính kỹ thuật nêu trong Biểu phạm vi cung cấp tại Mục 1 Chương này.

Với các hàng hóa chào nhà sản xuất tương đương yêu cầu cung cấp tài liệu kỹ thuật, bản vẽ và các tài liệu liên quan để chứng minh tính tương đương loại hàng hóa chào.

4. Kiểm tra và thử nghiệm

- ✓ Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian sẽ do Bên A thông báo trước và được Bên B thống nhất chấp thuận.
- ✓ Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A

có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

- ✓ Trong trường hợp không thống nhất được quan điểm giữa hai Bên về phương pháp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa hoặc Bên B không chứng minh được về chất lượng hàng hóa thì hai Bên thống nhất mời một đơn vị độc lập có chức năng thực hiện công tác này chi phí do Bên B chịu.
- ✓ Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Tại kho của bên mời thầu; Nhà máy điện CTHH Nhơn Trạch 2 - Ấp 3 - xã Phước Khánh – huyện Nhơn Trạch – tỉnh Đồng Nai.

17/10/2017

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]
Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]
Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Mua sắm transmitter nhiệt độ bao hơi phục vụ sản xuất NMD Nhơn Trạch 2	(I1)
Tổng cộng giá chào: (I)= (I1) <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*B
C
P
C
T
T

Mẫu số 03a(1)

BIỂU PHẠM VI CUNG CẤP, GIÁ CHÀO DỊCH VỤ

1	2	3	4	5	6	7	8
Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (VND/ĐVT)	Thành tiền (VND)
1	Temperature Transmitter T32.1S. (Transmitter nhiệt độ bao hơi)	pcs	10				
Tổng cộng giá chào theo số lượng đã bao gồm thuế, phí <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(II)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (5), (6), (7), (8) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện công việc theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có)

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/06/2005];
- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015];
- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];
- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];
- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

¹ Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện cung cấp vật tư theo yêu cầu cụ thể như Phụ lục 1 – Biểu giá và phạm vi cung cấp (đính kèm).

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Cung cấp cho Bên B các tài liệu của NMD Nhom Trạch 2 liên quan tới việc thực hiện hợp đồng trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cung cấp tài liệu của Bên B;
- Phối hợp với Bên B xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Cử đại diện của mình phối hợp và theo dõi Bên B triển khai thực hiện các công việc phù hợp với các quy định của hợp đồng;
- Tiếp nhận, kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa theo đề nghị của Bên B;
- Cam kết thanh toán cho Bên B theo quy định của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Thực hiện các công việc theo đúng quy định của hợp đồng;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động và chịu sự giám sát của Bên A trong quá trình thực hiện công việc;
- Thực hiện đúng, đầy đủ các Điều khoản đã ghi trong hợp đồng;
- Cung cấp cho Bên A mọi thông tin cần thiết liên quan đến việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của Bên A.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị của hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán của Bên B gồm:

- Bản gốc Công văn đề nghị thanh toán;
- Bản gốc hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính;

- Bản gốc Biên bản nghiệm thu hàng hóa;
- Bản gốc/Bản điện tử (kèm theo đường link hoặc mã QR để kiểm tra) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu nhập khẩu trực tiếp/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập khẩu hoặc Nhà thầu nhập khẩu cùng hàng hóa không thuộc hợp đồng này;
- Một (01) Bản gốc/Bản sao có xác nhận của nhà sản xuất Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu nhập khẩu trực tiếp/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập khẩu hoặc Nhà thầu nhập khẩu cùng hàng hóa không thuộc hợp đồng này;
- Một (01) Bản gốc/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu trực tiếp tờ khai hải quan nhập khẩu;
- Một (01) Bản sao y công chứng/bản sao có xác nhận của nhà cung cấp cho Nhà thầu hợp đồng giữa Nhà thầu với nhà cung cấp trong nước đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập khẩu
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);
- Một (01) Bản gốc Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng.
- Một (01) Bản gốc Giấy bảo hành của nhà sản xuất/nhà cung cấp.

c) Số lần thanh toán: 01 lần.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Điều 8. Giao hàng và nghiệm thu

8.1 Thời gian giao hàng: Bên B sẽ giao hàng cho Bên A theo tiến độ quy định tại Điều 7 hợp đồng này.

8.2 Thủ tục giao hàng:

❖ Thông báo giao hàng: Bên B sẽ gửi thông báo giao hàng bằng văn bản cho Bên A trước 03 ngày để Bên A tiến hành tổ chức nghiệm thu.

❖ Biên bản bàn giao: Gồm 04 (bốn) bản được đại diện giữa hai bên xác nhận tại thời điểm giao hàng.

❖ Một (01) Bản copy Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu nhập khẩu trực tiếp/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập khẩu hoặc Nhà thầu nhập khẩu cùng hàng hóa không thuộc hợp đồng này;

- ❖ Một (01) Bản copy Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu nhập khẩu trực tiếp/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập khẩu hoặc Nhà thầu nhập khẩu cùng hàng hóa không thuộc hợp đồng này;
- ❖ Một (01) Bản copy có xác nhận của Bên B tờ khai hải quan nhập khẩu đối với phần hàng hóa bên B nhập khẩu trực tiếp;
- ❖ Hợp đồng giữa bên B với nhà cung cấp trong nước đối với phần hàng hóa bên B không trực tiếp nhập;
- ❖ Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có).

8.3 Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Bên A sẽ phối hợp, hỗ trợ phương tiện nâng hạ để giao nhận hàng hóa).

8.4 Chi phí giao hàng: Toàn bộ chi phí giao hàng, nâng hạ do Bên B chịu.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:
 - a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
 - b) Bên B bị phá sản, giải thể;
 - c) Các hành vi khác (nếu có).
2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.
3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo các quy tắc của Việt Nam hoặc của tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài hoặc tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các Bên.

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai Bên hoàn thành trách nhiệm và tiến hành thanh lý, quyết toán hợp đồng theo quy

định của hợp đồng

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

10/10/2010

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp]

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.